

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04/9/2025

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8- HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Vân và bà Nguyễn Thị Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hải Anh- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Văn Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 04/9/2025, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 247/2025/TLST-HNGĐ ngày 11/4/2025 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 07 ngày 24/8/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Lê Khả P, sinh năm 1947.

Số CCCD: 030047001567

Địa chỉ: Lô A phố N, khu Đ, khu dân cư S, phường L, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1947.

Số CCCD: 030147001630

Địa chỉ: Lô A phố N, khu Đ, khu dân cư S, phường L, thành phố Hải Phòng.

(Tại phiên tòa, ông P vắng mặt nhưng đã có đơn xin xử vắng mặt; bà S vắng mặt và trước đó có ý kiến đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn- ông Lê Khả P thể hiện:* Ông và bà Nguyễn Thị S chung sống với nhau từ ngày 20/02/1976 và có 3 con chung, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương cũ, nhưng vợ chồng ông đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn, địa phương cũng không còn lưu giữ sổ sách theo dõi đăng ký kết hôn thời kỳ này, nên ngày 01/8/2022, ông bà đã tự nguyện đến UBND xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương cũ (nay là xã T, thành phố Hải Phòng) đăng ký kết hôn lại và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng không có sự hòa hợp, không có tiếng nói chung, không có hạnh phúc, bất đồng quan điểm, bà S nói nhiều và hay rủa rới ông, ông không chịu đựng được. Vợ

chồng ông đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà S.

Lời khai của bị đơn là bà Nguyễn Thị S thể hiện: Bà nhất trí về thời gian chung sống, quá trình kết hôn như ông P trình bày. Khi ông P còn trẻ, bà biết ông P có quan hệ ngoại tình với người khác, bỏ vợ bỏ con ở nhà để một mình bà chăm sóc, từ đó mà tình cảm vợ chồng phai nhạt. Từ lâu ông bà sống riêng, kinh tế riêng, lương của ai người đó tiêu, việc của nhà nào thì người đó tự lo, chỉ đóng góp tiền sinh hoạt hàng ngày. Nay ông P xin ly hôn, bà không đồng ý ly hôn vì vợ chồng bà tuổi đã cao, bà muốn các con các cháu có đầy đủ bố, mẹ, ông, bà. Ông P không muốn chung sống với bà nữa bà nhất trí. Tòa án cứ xử theo đơn xin ly hôn của ông P, bà không thay đổi quan điểm cũng không đến tòa án làm việc, tòa án cứ xét xử vắng mặt bà và gửi bản án, quyết định về cho bà.

- Về con chung: Ông P, bà S đều trình bày vợ chồng có ba con chung là anh Lê Khả Q, sinh năm 1978, mất năm 1995 (lúc 17 tuổi); hiện còn hai con chung là anh Lê Khả L, sinh năm 1981; chị Lê Thị L1, sinh năm 1984. Các con L và L1 đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, ông, bà không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Ông P và bà S không yêu cầu giải quyết.

Kết quả xác minh tại khu dân cư thể hiện: Quá trình chung sống, ông P bà S có xảy ra mâu thuẫn. Qua giao tiếp với ông bà thấy hai người không cùng một quan điểm, không thể cùng nói chuyện được với nhau. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Ông P, bà S vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2025; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử cho ông Lê Khả P ly hôn bà Nguyễn Thị S. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) cho ông Lê Khả P do ông P là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Khả P khởi kiện về việc ly hôn với bị đơn là bà Nguyễn Thị S, địa chỉ: khu G, phường L, thành phố Hải Phòng. Do đó, vụ án được Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là về việc ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng trước đó đã có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt và cũng có ý kiến đề nghị giải quyết vắng mặt tại bản ghi lời khai của bị đơn. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của ông Lê Khả P và bà Nguyễn Thị S đều thừa nhận, ông bà chung sống với nhau từ năm 1976, nhưng do làm mất giấy chứng nhận kết hôn nên ngày 01/8/2022, ông bà tự nguyện đến UBND xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương nay là xã T, thành phố Hải Phòng đăng ký kết hôn lại. Do đó, hôn nhân giữa ông P và bà S là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, dần dần vợ chồng không còn sự quan tâm, chia sẻ, tôn trọng nhau, cuộc sống không vui vẻ, hạnh phúc. Ông P xin ly hôn, bà S thừa nhận từ lâu tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, ông bà sống riêng, kinh tế độc lập, việc của ai người đó lo, nhưng bà không đồng ý ly hôn vì muốn không làm ảnh hưởng đến con cháu. Như vậy rõ ràng cuộc sống vợ chồng ông P, bà S đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, xử cho ông P được ly hôn bà S là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Các con chung của ông P, bà S đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn). Tuy nhiên, do ông P là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông P, theo quy định tại Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2025; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ông Lê Khả P ly hôn bà Nguyễn Thị S.
2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) cho ông Lê Khả P.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND khu vực 8- Hải Phòng;
 - UBND xã Trần Phú, TP Hải Phòng
- để ghi vào sổ hộ tịch (CNKH số 45 ngày 01/8/2022);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Nhung